TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 18/2026/HS-ST
Ngày: 05/02/2026.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11, TỈNH LÂM ĐỒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Quốc Hội.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quý Ánh;
Ông Nguyễn Thanh Phương;

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Phan Quốc Khánh – Kiểm sát viên.

Ngày 05/2/2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 03/2026/TLST-HS ngày 08 tháng 01 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2026/QĐXXST-HS ngày 20/01/2026, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Thành T**; Tên gọi khác: không; Sinh năm: 1981, tại Khánh Hòa; Nơi cư trú: Thôn 1, xã V, tỉnh K; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: làm nông; Trình độ học vấn: 11/12; Tiền án, tiền sự: (Không có); Nhân thân: Ngày 17/4/1999, bị Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa (cũ) xử phạt 03 tháng 27 ngày tù (bằng thời hạn tạm giam), về tội: "Trộm cắp tài sản của công dân". (Bị cáo T phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi, nên được coi là không có án tích).

Quan hệ gia đình: Con ông Lê Trọng T1(đã chết) và bà Lê Thị M (sinh năm 1955); gia đình bị cáo có 03 anh em ruột, nhỏ nhất sinh năm 1985, bị cáo là người con lớn nhất trong gia đình; vợ là Lê Thị T2, sinh năm 1984; có 02 người con (sinh năm 2013 và 2020); Gia đình bị cáo hiện trú tại xã V, tỉnh K.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn *"Cấm đi khỏi nơi cư trú"* từ ngày 14/10/2025 cho đến nay. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

- ***Bị hại:***

Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1994.

Nơi đăng ký thường trú: ấp Lô 2, xã A, tỉnh G.

Chỗ ở hiện nay: thôn K, xã T, tỉnh L. (vắng mặt)

- ***Người làm chứng:***

+ Ông Nguyễn Tấn S, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn K, xã T, tỉnh L. (vắng mặt)

+ Ông Lê Chí Đ, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn K, xã T, tỉnh L. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Thành T và Nguyễn Văn H (sinh năm 1994, trú thôn Ấp Lô 2, xã A, tỉnh G) cùng là công nhân thi công công trình tại thôn K, xã T, tỉnh L. Vào khoảng 05 giờ 30 phút, ngày 28/09/2025, T đi ngang qua chòi ngủ của H thì phát hiện có điện thoại di động, hiệu OPPO Reno, loại 5G/256GB, màu trắng của H đang để trên nền chòi, còn H đang nằm ngủ nên T nảy sinh ý định trộm cắp chiếc điện thoại trên bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. T lẻn vào chòi, lấy trộm điện thoại nêu trên của H rồi đem đi giấu ở gốc cây dương gần đó, dự định sẽ đem đi tiêu thụ sau. Đến khoảng 06 giờ cùng ngày, H ngủ dậy thì phát hiện điện thoại của mình bị mất trộm nên trình báo Công an xã Tân Thành. Qua quá trình điều tra xác minh, Công an mời T về trụ sở để làm việc. Tại cơ quan Công an, T thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản của bản thân và giao nộp lại điện thoại di động của H.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐGTS ngày 29/10/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự xã Tân Thành, tỉnh Lâm Đồng, kết luận: điện thoại di động, hiệu OPPO Reno, loại 5G/256GB, màu trắng, có giá trị là 12.166.000 (Mười hai triệu một trăm sáu mươi sáu ngàn) đồng.

Vật chứng của vụ án gồm: 01 (một) điện thoại di động, hiệu OPPO Reno, loại 5G/256GB, màu trắng, do Lê Thành T giao nộp và 01 phiếu biên nhận thanh toán kiêm phiếu giao hàng đối với điện thoại di động nêu trên, khách hàng "H – 0939313039", do Nguyễn Văn H giao nộp.

Tại bản cáo trạng số 35/CT-VKSKV11-HS ngày 30/12/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, tỉnh Lâm Đồng truy tố bị cáo Lê Thành T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, tỉnh Lâm Đồng thực hành quyền công tố luận tội, tranh luận và phát biểu quan điểm xử lý vụ án như sau: Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, tỉnh Lâm Đồng giữ nguyên quyết định truy tố tại bản cáo trạng số 35/CT-VKSHTN-HS ngày 30/12/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, tỉnh Lâm Đồng, đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Thành T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017, 2025);

Đề nghị xử phạt: Bị cáo Lê Thành T từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã trả lại 01 (một) điện thoại di động, hiệu OPPO Reno, loại 5G/256GB, màu trắng cho chủ sở hữu là ông Nguyễn Văn H; việc xử lý vật chứng là có căn cứ nên không đặt ra xử lý tiếp theo

Đối với 01 "biên nhận thanh toán kiêm phiếu giao hàng" đối với điện thoại di động nêu trên, khách hàng "H – 0939313039", do Nguyễn Văn H giao nộp, tiếp tục lưu trong hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Nguyễn Văn H đã nhận lại điện thoại và không có yêu cầu gì khác nên không đặt ra xử lý.

Tại phiên tòa bị cáo thống nhất quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không tranh luận gì thêm, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo hưởng án treo để có thể tự cải tạo và lao động chăm lo cho gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, tỉnh Lâm Đồng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về cấu thành tội phạm:

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở xác định:

Bị cáo là công dân có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hoàn toàn nhận thức rõ việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật; thế nhưng, vì lòng tham bộc phát khi bị cáo phát hiện sự sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản, bị cáo đã bất chấp quy định của pháp luật thực hiện hành vi trộm cắp, chiếm đoạt tài sản của người khác, cụ thể: Vào khoảng 05 giờ 30 phút, ngày 28/09/2025, khi nhìn thấy ông Nguyễn Văn H đang nằm ngủ (trong chòi tại thôn K, xã T, tỉnh L), trên nền chòi có 01 điện thoại di động, hiệu OPPO Reno, loại 5G/256GB, màu trắng của H, nên bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân nên đã đã lẻn vào chòi, lấy trộm điện thoại nói trên rồi mang ra giấu ở gốc cây dương gần đó, dự định sẽ đem đi tiêu thụ sau. Sau khi bị cơ quan Công an mời làm việc thì bị cáo T thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản của bản thân và giao nộp lại điện thoại di động của H. Theo kết quả định giá, điện thoại di động hiệu OPPO Reno mà bị cáo chiếm đoạt của ông Nguyễn Văn H có trị giá 12.166.000 đồng.

Hành vi của bị cáo Lê Thành T là nguy hiểm cho xã hội, được thực hiện với lỗi cố ý, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ; gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an ở địa phương. Hành vi của bị cáo Lê Thành T đã đủ yếu tố cấu thành tội: "*Trộm cắp tài sản*", tội phạm và khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 như nội dung Cáo trạng đã truy tố và quan điểm của Viện kiểm sát tại phiên tòa là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về yếu tố nhân thân, tiền án, tiền sự; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo "khai báo thành khẩn", thể hiện thái độ "ăn năn hối cải"; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị hại có đơn đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn - Hội đồng xét xử xem đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cần áp dụng cho bị cáo.

[4] Quyết định hình phạt: Xét tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết liên quan, yếu tố nhân thân, hoàn cảnh và các điều kiện khác của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù nhưng không cần thiết phải cách ly ra khỏi đời sống xã

hội, cho bị cáo hưởng án treo để tạo điều kiện cho bị cáo được tiếp tục lao động để có thu nhập, chăm lo cho gia đình, tự cải tạo, rèn luyện thành người có ích cho gia đình và xã hội; đồng thời cũng bảo đảm tính răn đe, tác dụng phòng ngừa chung cho xã hội, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11- Lâm Đồng tại phiên tòa là có căn cứ.

[5] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã trả lại 01 (một) điện thoại di động, hiệu OPPO Reno, loại 5G/256GB, màu trắng cho chủ sở hữu là ông Nguyễn Văn H. Việc xử lý vật chứng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không xử lý nữa. Đối với 01 "biên nhận thanh toán kiêm phiếu giao hàng" đối với điện thoại di động nêu trên, khách hàng "H – 0939313039", do Nguyễn Văn H giao nộp), đây là tài liệu liên quan đến nguồn gốc tài sản bị chiếm đoạt, được lưu trong hồ sơ vụ án (tại bút lục 40), cần tiếp tục lưu trong hồ sơ vụ án.

[6] Về dân sự: Bị hại là ông Nguyễn Văn H đã nhận lại điện thoại và không có yêu cầu gì khác nên không xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Căn cứ: Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025).

Tuyên bố: bị cáo Lê Thành T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025).

Xử phạt: bị cáo Lê Thành T 09 (Chín) tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án (ngày 05/02/2026).

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã V, tỉnh K giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình bị cáo bị kết án cho hưởng án treo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách án treo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (05/02/2026); Bị hại vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

(Đã giải thích chế định hưởng án treo cho bị cáo).

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện KV11-Lâm Đồng;
- THADS Lâm Đồng;
- PV06 Công an tỉnh Lâm Đồng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ – án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đỗ Quốc Hội